Ký bởi: HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
Ngày ký: 20-10-2026 20:09:08 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 22 /2026/NQ-HĐND	*Đắk Lắk, ngày 20 tháng 10 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, mức chi thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Xét Tờ trình số 521/TTr-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định về nội dung, mức chi thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 323/BC-HĐND ngày 19 tháng 10 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân; Báo cáo số 481/BC-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra Nghị quyết quy định về nội dung, mức chi thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định về nội dung, mức chi thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ; hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk.

2. Các nội dung, mức chi và hoạt động hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hoạt động hỗ trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk, bao gồm:

1. Cơ quan quản lý chương trình, nhiệm vụ; cơ quan quản lý hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước;

2. Các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, ban hành chương trình, nhiệm vụ; cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước;

3. Các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thực hiện chương trình, nhiệm vụ; hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác liên quan.

Điều 3. Nội dung và mức chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

a) Chi tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, mức chi thù lao tối đa đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ và nhóm chức danh như sau:

STT	Chức danh/nhóm chức danh	Mức thù lao tối đa (đồng/người/tháng)
1	Chủ nhiệm	49.000.000
2	Thành viên chính	39.200.000
3	Thành viên	19.600.000
4	Thư ký khoa học	14.700.000
5	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	9.800.000

b) Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Chi thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước phối hợp nghiên cứu, triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

a) Thuê chuyên gia trong nước: Mức chi không quá 30% tổng kinh phí chi tiền thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 1 Điều này.

Trường hợp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có tổng kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30% tổng kinh phí chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hiện hành quyết định sau khi có văn bản giải trình của cơ quan chủ trì nhiệm vụ.

b) Thuê chuyên gia là người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc người nước ngoài thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

3. Chi mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, mẫu vật, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng, năng lượng, tài liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, quyền sở hữu và sử dụng đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ, mua quyền truy cập cơ sở dữ liệu phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chi sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản (hoặc cơ sở vật chất, trang thiết bị) phục vụ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 16 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

4. Chi công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Ngoài ra, các nội dung, mức chi theo quy định được chi thù lao tối đa tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học như sau:

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
1	**Chi thù lao tối đa tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học**		
1.1	Chủ trì	Buổi	1.500.000
1.2	Thư ký	Buổi	500.000
1.3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Báo cáo	3.000.000
1.4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo khoa học	Báo cáo	2.000.000
1.5	Thành viên	Người/buổi	250.000

5. Chi dịch vụ thuê ngoài phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo Điều 18 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

6. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo Nghị quyết số 64/2016/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) quy định nội dung và mức chi các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương đảm bảo.

7. Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn; phí công bố công trình khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế thực hiện tại Điều 20, Điều 21 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

8. Chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện tại Điều 22 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

9. Chi tư vấn xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chi phổ biến, tuyên truyền kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (báo giấy, báo hình, báo điện tử, xuất bản ấn phẩm và các phương tiện truyền thông khác) thực hiện theo quy định tại Điều 23, Điều 24 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

10. Chi cho tổ chức chủ trì để thực hiện công tác quản lý chung nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 400.000.000 đồng/nhiệm vụ.

11. Chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (nếu có) thực hiện tại Điều 26 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

12. Chi thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP (nếu có) thực hiện tại Mục 4 Chương II Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN và các quy định về định mức, mức chi tại các nghị quyết có liên quan của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 5. Nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ

1. Chi đoàn ra, đoàn vào hỗ trợ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ quy định tại khoản 2 Điều 38 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN được thực hiện theo Thông tư số 140/2025/TT-BTC và các quy định về định mức, chế độ chi tại các nghị quyết có liên quan của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Chi phí thuê chỗ ở, chi phí ăn hàng ngày của nhà khoa học nước ngoài được tỉnh Đắk Lắk mời tham dự và trình bày báo cáo tại hội thảo khoa học trong nước và quốc tế ở Việt Nam do ngân sách nhà nước hỗ trợ quy định tại điểm b khoản 6 Điều 38 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN và các quy định về định mức, chế độ chi tại các nghị quyết có liên quan của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Chi phí ăn ở, đi lại của Ban tổ chức hội thảo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 38 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN thực hiện theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh.

4. Chi hỗ trợ công bố kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ trong nước và quốc tế do cá nhân nhà khoa học hoặc nhóm nhà khoa học thực hiện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk không sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại điểm b khoản 7 Điều 38 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN: Ngoài kinh phí công bố kết quả nghiên cứu quy định tại điểm a khoản 7 Điều 38 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN, cá nhân nhà khoa học hoặc nhóm nhà khoa học được hỗ trợ thêm 2 tháng tiền công lao động khoa học tương ứng với thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết này. Đối với nhóm nhà khoa học, người đăng ký hỗ trợ là người được nhóm nhà khoa học xác nhận là tác giả chính.

5. Chi phí thuê chỗ ở trong thời gian tối đa 03 tháng, chi phí ăn hàng ngày của nhà khoa học xuất sắc nước ngoài được mời đến tỉnh Đắk Lắk trao đổi học thuật ngắn hạn quy định tại khoản 10 Điều 38 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN và các quy định về định mức, chế độ chi tại các nghị quyết có liên quan của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chi dịch thuật phục vụ trao đổi học thuật quy định tại điểm d khoản 10 Điều 38 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN và các quy định về định mức, chế độ chi tại các nghị quyết có liên quan của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 6. Nội dung và mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo

1. Chi hỗ trợ kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo để kết nối các mạng lưới đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo quốc gia, quốc tế quy định tại điểm a khoản 2 Điều 39 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy định về định mức, chế độ chi tại các Nghị quyết có liên quan của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Chi hỗ trợ hoạt động của doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung quy định tại điểm a khoản 4 Điều 39 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN:

a) Hỗ trợ 20.000.000 đồng/năm đối với chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung.

b) Hỗ trợ 5.000.000 đồng/tháng đối với chi phí thuê mặt bằng tại các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung. Thời gian hỗ trợ tối đa là 03 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê mặt bằng.

3. Chi hỗ trợ kinh phí thuê mặt bằng (*điện, nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ*), chi phí vận chuyển trang thiết bị, thiết kế, dàn dựng gian hàng và truyền thông cho sự

kiện ngày hội đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo; sự kiện trình diễn, giới thiệu công nghệ mới, công nghệ tiên tiến quy định tại điểm b khoản 5 Điều 39 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN: Mức hỗ trợ 10.000.000 đồng/1 đơn vị tham gia.

4. Chi tiếp các đoàn và khách mời quốc tế; tổ chức hội nghị, hội thảo trong thời gian tổ chức sự kiện ngày hội đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo; sự kiện trình diễn, giới thiệu công nghệ mới, công nghệ tiên tiến theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy định tại điểm c khoản 5 Điều 39 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN (áp dụng đối với hội nghị, hội thảo trong nước), Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND và tại các quy định về định mức, chế độ chi tại các nghị quyết có liên quan của Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Chi tổ chức cuộc thi đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cấp tỉnh quy định tại điểm d khoản 5 Điều 39 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 7/2018/NQ-HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) quy định mức chi đối với Hội thi sáng tạo kỹ thuật và Cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng do địa phương tổ chức trên địa bàn tỉnh.

6. Chi tôn vinh, trao giải cho các dự án, cá nhân, tổ chức đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo đạt thành tích xuất sắc tại các cuộc thi, giải thưởng đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo do cấp có thẩm quyền tổ chức ở địa phương, cấp quốc gia hoặc được công nhận là giải thưởng quốc tế có uy tín quy định tại khoản 6 Điều 39 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN: Thực hiện theo Nghị quyết số 7/2018/NQ-HĐND.

7. Chi tổ chức các hội nghị tuyên truyền, phổ biến về các điển hình khởi nghiệp sáng tạo và hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo thành công của tỉnh quy định tại điểm đ khoản 7 Điều 39 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN: Thực hiện theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND.

8. Chi khảo sát, điều tra, thu thập số liệu, dữ liệu phục vụ xây dựng bản đồ công nghệ, đánh giá trình độ công nghệ, tiêu chuẩn quy định tại tiểu điểm a2 điểm a khoản 8 Điều 39 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN: Thực hiện theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND; Nghị quyết số 64/2016/NQ-HĐND.

9. Chi tổ chức điều tra, khảo sát, thu thập và xử lý số liệu khảo sát, nghiên cứu thị trường quy định tại điểm d khoản 8 Điều 39 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN: Thực hiện theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND; Nghị quyết số 64/2016/NQ-HĐND.

10. Chi công tác phí, chi hội nghị phục vụ công tác khảo sát, nghiên cứu thị trường thực hiện theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND.

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo của địa phương.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 10 năm 2026.

2. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nội dung và kinh phí thực hiện trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại Nghị quyết số 30/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy định định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Ba thông qua ngày 20 tháng 10 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Các Bộ: KHCN, Tài chính, Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đảng ủy HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy; UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Viện KSND tỉnh, TAND tỉnh, THADS tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk;
- Trung tâm Công nghệ và Cổng TTĐT tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CT HĐND.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Cao Thị Hòa An